TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 11 – 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm.
2. Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên toà: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninhtham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 2000; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L1, xã L2, huyện L3, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi cư trú: khu phố S1, phường S2, thị xã S3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Duy K, sinh năm 1999; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K1, xã K2, thành phố K3, tỉnh Cà Mau; địa chỉ nơi cư trú: khu phố S1, phường S2, thị xã S3, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Duy K chung sống vợ chồng từ năm 2019, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã K2, thành phố K3, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới, chị và anh K sống chung với cha mẹ chồng tại khu phố S1, phường S2, thị xã S3, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung

sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị và anh K không còn sống chung một nhà từ ngày 10/6/2023 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị và anh K có 01 con chung tên Trần Hồng T, sinh ngày 10/6/2020, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2023, bị đơn – anh Trần Duy K trình bày:

Anh K thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và con chung là đúng. Từ lúc anh và chị L sống ly thân cho đến nay không có ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh K đồng ý giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Ngoài ra, anh K trình bày anh không có thời gian đến Tòa án làm việc nên anh chỉ đến Tòa án một lần và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị L cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do anh K không hợp tác, không đồng ý đến tòa án để hòa giải.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lý Thị L đối với anh Trần Duy K. Về con chung,

giao cháu Trần Hồng T, sinh ngày 10/6/2020 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Lý Thị L và anh Trần Duy K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh K là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L, anh K chung sống từ năm 2019, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã K1, thành phố K2, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2020 ngày 30/01/2020. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L và anh K thống nhất trình bày, anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ không còn sống chung một nhà từ ngày 10/6/2023 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả chị L và anh K đều thừa nhận không có bên nào có thiện chí đoàn tụ. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh K không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 01 con chung tên Trần Hồng T, sinh ngày 10/6/2020, hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị L và anh K đều yêu cầu giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T là con gái và đang sống ổn định với chị L, trong thời gian cháu T sống với chị L, sức khỏe và tâm sinh lý vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, cần giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị L yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, anh K cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: chị L, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị L, anh K trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội. Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lý Thị L đối với anh Trần Duy K. Chị Lý Thị L được ly hôn với anh Trần Duy K.

2. Về con chung: giao cháu Trần Hồng T sinh ngày 10/6/2020 cho chị Lý Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hồng T số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 30/11/2023 cho đến khi cháu T đủ mười tám tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị L, anh K không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: chị L, anh K trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0027565 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị L đã nộp xong án phí.

Anh K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: chị L, anh K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến